

Số: 155/2020/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 24 tháng 4 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 132/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2020 về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Võ M, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 97 đường H, phường Phú Hòa, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.
2. Chị Trần Thị Thùy N, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 97 đường H, phường Phú Hòa, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Võ M và chị Trần Thị Thùy N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 04/11/2010. Thời điểm đăng ký có đủ điều kiện kết hôn theo quy định. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, cả hai xác định tình cảm không còn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh Võ M và chị Trần Thị Thùy N đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh, chị.

[2] Về con chung: Anh M, chị N xác nhận có 01 con chung tên là Võ Trần Như N, sinh ngày 25/8/2012, hiện đang ở với anh M và chị N, nguyện vọng của cháu N là được ở với chị N. Hai bên thỏa thuận giao cháu N cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi); anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn. Hai bên tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên cần áp dụng Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận thỏa thuận nuôi con của anh, chị.

[3] Về tài sản chung: Anh Võ M, chị Trần Thị Thùy N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh Võ M, chị Trần Thị Thùy N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh M, chị N mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ngày 16/4/2020, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Võ M và chị Trần Thị Thùy N.

- Về con chung: Giao cháu Võ Trần Như N, sinh ngày 25 tháng 8 năm 2012 cho chị Trần Thị Thùy N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Võ M không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Võ M, chị Trần Thị Thùy N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Võ M, chị Trần Thị Thùy N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Võ M, chị Trần Thị Thùy N mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/009665 ngày 11 tháng 3 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh TT-Huế;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế;
- Chi cục THADS Thành phố Huế;
- UBND phường Phú H;
- (ĐKKH số: 62, ngày 04/11/2010);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, HNGĐ;

THẨM PHÁN

Mai Thị Mộng Trinh

